
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Kinh Ưu-Đàm-Bà-La Sư Tử Hống

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[28/02/2022 - 04:12 - buithibuukim]

KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SƯ TỬ HỐNG – Udumbarika –Sihanada sutta

Giảng ngày 18/10/2016

Bây giờ tôi đổi chiến thuật là mỗi ngày giảng không nhiều nữa. Giảng ít thôi, đỡ mệt mình mà đỡ mệt cho người ta.

Hôm nay mình học Kinh Ưu đàm bà la Sư Tử Hống. Nội dung Kinh này quý vị thấy rồi. Có một nhóm du sĩ trong khu vườn Udumbarika , chữ này có chỗ dịch là ‘Cây Sung’. Nội dung là cuộc đối thoại giữa Thế Tôn và các du sĩ do ông Nigrodha cầm đầu. Chúng tôi giảng phải chèn tờ giấy nên không dùng bàn phím được. Mọi việc xin trông cậy vào quý vị nghe.

Các du sĩ có đề nghị với Đức Phật, xin Đức Thế Tôn giảng cho họ nghe về pháp môn hay con đường hành trì mà Ngài vẫn thường giảng cho các đệ tử của Ngài. Đức Phật nhìn thấy căn tánh của các vị này cho nên Ngài chọn cách thuyết giảng gián tiếp. Thay vì trực tiếp nói con đường hành trì theo tinh thần Tam học, tinh thần Bát Chánh Đạo một cách trực tiếp thì trước hết Thế Tôn nói về pháp môn khổ hạnh trước.

Ngài nói rằng dầu có hành trì bao nhiêu pháp môn khổ hạnh, nhưng quan trọng nhất khi anh hành trì pháp môn khổ hạnh bằng tâm trạng là khen mình chê người, nghĩa là tu được bao nhiêu thấy mình hay bấy nhiêu rồi coi người khác không ra gì. Ngài nói có bao nhiêu pháp môn tu hành đi nữa mà nếu người tu không có tâm buông bỏ, không có lòng hướng đến giải thoát buông bỏ phiền não, mà cứ một mực tu tập từ góc độ ngã chấp thì như vậy càng tu tập càng thêm cấu uế, càng khiến cho mình trở nên bất tịnh mà thôi.

Chuyện này rất quan trọng, mà có thể nói 99%, nói huých tẹt luôn là người Việt mình không chú ý điểm này. Cứ chọn rồi cho rằng con đường mình đang đi, cái kiểu cách tu hành, hành trì của mình là số một. Rồi mình nhìn người khác coi người ta không ra gì hết. Tôi nói rõ nghe, cho dầu mình đi đúng đường, cho dầu mình đang tu tập giới định tuệ bằng tinh thần đó là đã không xong rồi; nói chi con đường hành trì không nằm trong Đạo đế, không nằm trong Bát chánh Đạo và lại không hướng đến Diệt đế (Niết bàn). Bởi vì nếu mình thấy mọi hiện hữu là khổ - như hôm qua tôi nói, thế giới chỉ là thiện- ác- buồn- vui thôi. Chính cái thiện nó tạo ra cái vui, mà cái ác tạo ra cái buồn.

Thiện (6 căn biết 6 trần bằng tâm lành) => hạnh phúc (6 căn biết 6 trần như ý) là quả.

Ác (6 căn biết 6 trần bằng tâm bất thiện) => đau khổ (6 căn biết 6 trần bất toại) là quả.

Nếu hiểu như vậy thì thấy rằng có mặt ở đâu trong trời đất này, từ cõi Phi tướng phi phi tướng (cõi cao nhất trong tam giới) cho đến cõi thấp nhất là các tầng địa ngục, hay các cảnh giới bàng sinh (trùn, dế, sâu, giòi, côn trùng ...), hoặc mấy lần đi biển chúng tôi nhìn mấy con oyster (con hào) bám trong đá chúng tôi phải nói là rùng mình. Nghĩ rằng bây giờ mình chun vô đó làm một con hào trong đá thì không biết kiếp nào ra khỏi. Bởi vì cơ hội làm lành, cơ hội hướng tâm về điều thiện thì

làm sao có ở cái con hầu như vậy, ở con trùn trong đất như vậy! Cơ hội ở mấy con đó thấp lắm! Mà ba cõi mình cứ luân phiên mình đi lúc trôi lên lúc lặn xuống. Thấy như vậy thì mới chán mới sợ sanh tử.

Pháp môn Tứ Niệm Xứ là quan sát 6 căn, cũng chính là quan sát 5 uẩn, cũng chính là quan sát 12 xứ, cũng chính là quan sát 18 giới coi nó hoạt động ra sao. Lúc đầu chỉ biết ghi nhận nó đang ra sao rồi dần dần mới ngộ ra nhiều chuyện. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, lúc đầu cứ giữ chánh niệm đi. Đừng có nghe người ta bày là quán chiếu quán chiếu. .. Tôi năn nỉ đừng có ham cái đó. Cứ sống chánh niệm một thời gian, tự dung một lúc nào đó, 2 ngày, 5 ngày, 1 tháng, 2 tháng, 6 tháng, tự nhiên trong cái chánh niệm đó cộng với kiến thức Phật Pháp của mình thì tự nhiên mình ngộ ra những điều mà mình không có từng nghĩ tới, hoặc cho mình có biết mà biết ‘qua nước bọt’ của người khác, biết qua kiểu cà phê dạo thôi.

Khi mình sống chánh niệm lâu ngày mình mới thấy rằng cái gọi là ‘tôi’ nó chỉ là sự lắp ráp của các thành tố danh sắc. Của hơi thở trước hơi thở sau. Của những hơi thở vào hơi thở ra. Của những tâm thiện tâm ác. Của những cảm xúc buồn cảm xúc vui. Và rõ ràng không hề có một cái gì mà nó tồn tại liên tục quá một giây đồng hồ. Danh sắc cứ tiếp nối nhau sanh diệt. Khi đó hành giả mới thấy ra những điều:

1/ Buông bỏ ý niệm ‘tôi’ và ‘của tôi’. Từ đó mới thấy rằng mình có đắc gì đi nữa cũng là chúng đắc cái vô ngã vô thường. Chớ không có gì ghê gớm để mình có thể chấp chặt vào trong đó.

2/ Tôi cũng đã nói rất nhiều lần là học giáo lý cho nhiều, mà giáo lý đó, cái biết đó nó không đủ để giảm bớt phiền não của mình, để cắt đứt phiền não của mình, không đủ để thay đổi cái nhìn tào lao của mình thì cái biết đó giống như nước biển vậy. Nghĩa là một người đi trên biển dưới chân là nước nhưng họ vẫn hoàn toàn có thể chết khát. Phật Pháp học cho nhiều, mà học kiểu gì tôi không biết, hành kiểu gì tôi không biết, miễn là cách học cách hành đó nó không đủ để mình giảm bớt phiền não, giảm bớt cái tham cái thích, giảm bớt sân giận, bất mãn, chống đối, hiềm khích, bla bla... thì cái biết đó giống như nước biển vậy. Đúng nó là nước. Nó có thể cho mình chút cảm giác mát mát, cho mình chút dễ chịu của người tắm biển, nhưng ta hoàn toàn có thể chết khát trên cái vùng biển mình có mặt. Vì sao? – Là vì nước đó không uống được!

Nhớ nghe, thuộc lòng Tam tạng mà chưa có hành trì, hoặc hành trì không đúng mức, chưa đúng cách thì cũng giống như người đi trên biển mà chịu chết khát vậy!

3/ Cho nên ở đây Ngài mới nói có hành trì bao nhiêu đi nữa mà nếu không quán chiếu danh sắc, ngũ uẩn, tiếp tục hành trì trong ý niệm đam mê danh đam mê lợi, đam mê trong sở đắc, sở chứng, trong thành tựu nhỏ nhứt của mình thì khổ hạnh đó chỉ làm mình khổ thân thôi, chớ cũng chẳng được lợi ích gì hết. Chú giải có nói một chuyện quan trọng là đề nghị chúng ta xem lại bài Kinh Lỗ Cây – Mahasaropama sutta (Trung Bộ Kinh). Chính Chú giải đã xác nhận như vậy, đề nghị chúng ta xem lại bài Lỗ Cây.

Bài Kinh Lỗ Cây Đức Phật Ngài dạy: chánh Pháp Ngài dạy giống như một cội danh mộc. Có những người đến với Đạo, đi xuất gia rồi được người cúng dường, được trọng vọng, lễ bái nổi tiếng. Ngài nói những cái được đó chỉ là cành lá của cây danh mộc thôi.

Tiếp theo, đối với người thành tựu giới hạnh, không vì danh vì lợi mà vì phạm giới hạnh thì vị này đi đến một bước nữa, vượt qua khỏi cành lá nhưng còn bị vướng kẹt ở vỏ ngoài, cái vỏ sần sùi của cây.

Thứ ba là người tu tập thiền định được coi là vượt qua khỏi lớp vỏ sần sùi mà vô lớp vỏ trong. Người thành tựu Ngũ thông (Thắng trí hiệp thể) mà ở đây phải hiểu là Ngũ thông, là thành tựu các loại thần thông của phàm phu như thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông, sanh tử thông. Thành tựu 5 cái này được gọi là Lokiyania.

Phải có cái thứ sáu nữa là Lưu tận trí (Lưu tận thông) thì mới kể là thánh. Còn nếu mới chỉ có 5 thần thông kia mà bay nhảy tung tăng soi rọi thế giới, lắng nghe cuộc đời thì Ngài nói cái đó mới chỉ là giác cây thôi.

Tôi nhắc lại: cành lá giống như sự lễ bái cúng dường, tiếng tăm, uy tín.

Giới hạnh thanh tịnh thì mới là vỏ ngoài thôi.

Thiền định là vỏ trong.

Thần thông là cái giác cây.

Mà chỉ có Thánh trí đạo quả mới là cái lõi cây.

Đó là đối với con đường Bát Chánh Đạo mà còn như vậy thì nói chi người đam mê trong các pháp môn khổ hạnh, trong các pháp môn thuộc về giới cấm thủ.

Cho nên ở đây Ngài dạy rõ, Ngài kêu tu tập Chỉ Quán song tu. Thiền Chỉ hiểu rộng là 40 đề mục, nhưng trong bài Kinh này Thiền Chỉ mà Ngài đề nghị là TỨ VÔ LƯỢNG TÂM. Thiền Chỉ có nhiều đề mục (40 lạn), trong đó mỗi đề mục có cái hay riêng như các đề mục kasina xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng. Những đề mục này ngoài tác dụng giúp cho tâm an định, nó còn có thể giúp hành giả khi đắc thiền hóa hiện các loại thần thông.

Đề mục thứ hai là các đề mục hơi thở, đề mục bất tịnh, thể trước ngoài tác dụng giúp tâm an định, giúp mình thành tựu định học, nó còn có tác dụng là nền tảng rất tốt để ta nhằm chán thân sanh tử và đó là nền tảng cho pháp môn Tuệ quán sau này.

Loại đề mục thứ ba đề hàm dưỡng đức độ bản thân chính là Bốn vô lượng tâm. Hoặc đề mục Tùy niệm Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên. Những đề mục này ngoài chuyện giúp mình an định nội tâm còn giúp mình công đức lớn lắm. Thí dụ tu đề mục đất nước lửa gió chỉ được cái an định và khả năng hóa hiện thần thông, nhưng nói về cái phước nó không bì được với niệm Phật. Mặc dù niệm Phật không dẫn tới đắc thiền, nhưng một người nhiều năm nhiều tháng niệm Phật, tôi nhắc lại chỉ đắc Cận định thôi nhưng công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Nhưng phải nói rõ pháp môn niệm Phật trong Phật giáo Nam truyền Pali Tạng thì cách niệm ở đây khác bên Tịnh Độ. Bên Tịnh Độ mình cứ réo Nam Mô lục tự Di Đà mà không cần hiểu nghĩa chữ A Di Đà nghĩa là gì, ngoài hiểu nôm na đó là hồng danh vị Tây phương giáo chủ tiếp dẫn đạo sư. Vị phóng quang tiếp dẫn thánh chúng, tiếp dẫn cái vong của mình lên Cửu phẩm Liên hoa. Chỉ biết mơ hồ vậy. Nhưng niệm Phật trong Kinh điển Pali truyền thống Phật giáo nguyên thủy thì không phải vậy. Niệm Phật ở đây là không phải niệm riêng đức Phật nào hết, mà NIỆM CHUNG TẤT CẢ CHƯ PHẬT. Không niệm riêng đức Phật nào mà niệm các đức tánh, hạnh lành, phẩm chất bất khả tư nghị của tất cả chư Phật.

Thí dụ mình niệm Thế Tôn, Thế Tôn theo tiếng Hán không giống chữ Pali. Pali, Thế Tôn là ‘Bhagava’ là người thành tựu tất cả điều tốt đẹp nhất, an lạc nhất. Chữ ‘bhagava’ dịch sát là ‘có phần’. Chữ ‘phần’ đây là về hạnh lành, về phước báu cái gì chư Phật cũng top hết. Cái gì tốt nhất là các ngài có đầy đủ. Cái gì hay nhất đẹp nhất chư Phật có không sót đó gọi là bhagava.

Phật là gì? – Phật đây là tất cả chư Phật. Phật có hai nghĩa: một là ‘tỉnh giác’ từ giác ngủ phiền não, tỉnh giác từ cơn mơ phàm phu sanh tử. Nghĩa thứ nhất là người thức giấc.

Nghĩa thứ hai chữ ‘buddho’ là người hiểu biết lý Tứ Đế.

Chữ ‘Sugato’: Thiện Thệ cũng có nhiều nghĩa. Thiện thệ là bậc đã đến và đi trên con đường đẹp nhất mà chư Phật ba đời mười phương đã đến và đi. Đã đến và đi theo cách đẹp nhất. Chữ ‘Thệ’ này hay có hay nhưng không có lột được hết nghĩa chữ Sugato. ‘Thệ’ đây có nghĩa là đi luôn không có về. Như Không Tử đứng nhìn dòng nước chảy nói: “Thệ như tư phù bất xả trú dạ” (Dòng nước cứ trôi đi bên biệt không quay về suốt cả ngày lẫn đêm – xả: dừng; trú dạ: ngày đêm). Chuyện đời cũng giống vậy thôi. Chữ sugato ở đây dịch Thiện thệ là nghĩa khác. Thiện thệ là ‘người đi không về, không có quay lui sanh tử’. Còn ‘sugato’ đây nghĩa là ‘người đã đến và đi theo cách đẹp nhất, theo con đường đẹp nhất, theo hành trình, lộ trình hoàn hảo nhất’.

Rồi ‘Purisaradhammasarathi’: điều ngự trượng phu, nghĩa là thay vì đi xe bò dạy bò điều khiển bò, cỡi voi thì điều khiển voi, đi xe ngựa điều khiển ngựa, nhưng riêng Thế Tôn có khả năng điều khiển nhân thiên trong ba giới bốn loài trong đời này. Người ta chỉ có khả năng dạy thú nhưng Ngài có khả năng dạy cả trời, người, gọi là Purisaradhammasarathi.

‘damma’: well train = khéo, giỏi, người đã được đào tạo ngon lành.

‘sarathi’: người đánh xe = xa phu

‘purisa’ chỉ chung cho nhân, thiên.

Bla bla bla ... mười hồng danh như vậy. Niệm Phật bên Phật giáo Nam truyền là niệm như vậy đó, từng hồng danh một của chư Phật chớ không phải của một đức Phật nào hết. Nhờ niệm như vậy công đức vô lượng chẳng thể nghĩ bàn.

Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn không nói hết 40 đề mục mà Ngài chọn 4 đề mục Phạm trú (pháp Phạm thiên, luôn luôn an trú thường trực). Đó là từ- bi- hỷ- xả.

- Từ là mong cho người ta được an lạc an lành.

- Bi là mong cho người ta đừng có khổ. Tức là lòng mình có bất nhẫn, có trặc ản trước nỗi đau của chúng sinh.

- Hỷ là vui với nhân lành và quả lành của người khác. Vui với nhân lành là thấy người ta làm thiện, người ta tu hành (có giới, có thiền có trí, có kham nhẫn, có lòng vị tha bác ái ...) thì mình vui theo. Vui với quả lành người ta là thấy người ta được giàu, được đẹp, tiếng tăm mình vui với người ta mà không ganh tị. Đó là Hỷ Phạm trú, hỷ trong 4 vô lượng tâm.

- Xả là cảm giác hay tâm trạng thanh thản khi nghĩ về nghiệp riêng của muôn loài, chớ không phải là sự vô cảm, lạnh lùng sắt máu của người tàn nhẫn gỗ đá. Xả đây là sự thanh thản của cái người nghĩ về cái nghiệp riêng của muôn loài. Thí dụ thấy ai khổ ai cần mình giúp. Nhưng giúp đến mức độ nào đó mà mình có ghét họ cách mấy họ cũng có một núi nghiệp chờ sau lưng họ. Mình có thương có giúp họ cách mấy họ cũng có một núi nghiệp chờ sau lưng họ. Có nghĩa sự giúp đỡ, sự can thiệp của mình chỉ ở mức độ nào đó thôi, chớ mỗi người có một nghiệp riêng. Và cái này phải trau dồi thường xuyên tu tập liên tục như vậy, ngày ngày chưa đủ mà phải giờ giờ phút phút. Cứ nhớ như vậy.

Khổ một nỗi là KHI KHÔNG HÀNH TRÌ THÌ TẤT CẢ LỜI PHẬT ĐỀU KHÓ HIỂU KHÓ TIN.

Khi có hành trì mình mới thấy ra chuyện đó, có nghĩa là thường xuyên sống chánh niệm thì cái nhìn của mình với 6 trần nó khác đi. Thường xuyên tu tập Bốn Phạm trú này thì cái lòng mình đối với cuộc đời cũng khác. Ở đây tôi cũng mở ngoặc nói thêm một chút kinh nghiệm của các thiền sư mà các vị bày tôi thấy cũng có lý. Các vị nói một người tu tập nhiều đời nhiều kiếp phước căn sâu dày thì nơi đâu và lúc nào người ta cũng có thể tu tập được chánh niệm hay từ tâm hay các đề mục thiền Chỉ nói chung. Riêng những người thiếu phước thiếu trí, duyên lành mỏng muốn trau dồi chánh niệm thì phải có môi trường hoàn cảnh thích hợp, thầy bạn ok.

Bữa hôm mình có học nhân sanh các Giác Chi bà con còn nhớ không? Nhân sanh các Giác Chi thì trong đó anh muốn có trí thì anh phải gần người có trí. Muốn có niệm phải gần người có niệm. Riêng bậc đại căn đại trí thì người ta không cần môi trường gì hết, nghĩa là duyên tới thì 'bùm' thành thánh liền. Còn mình thì phải biết thân, mình phải có môi trường điều kiện, đặc biệt là pháp môn Tứ vô lượng tâm. Muốn trau dồi Tứ vô lượng tâm buổi đầu anh phải ở nơi nào CỰC KỶ THÍCH HỢP. Vì muốn tu chánh niệm thì phải ở chỗ thích hợp nhưng riêng Tứ vô lượng tâm thì phải thêm chữ 'cực kỳ' (thích hợp). Tức là anh ở chỗ thầy tốt bạn tốt chưa đủ, mà trong thời buổi này anh phải tránh cả nguy cơ liên lạc với cuộc đời một cách không cần thiết. Thí dụ như mình tu tâm từ, tu bi, hỷ, xả mà ở chung với người tốt, với mình sư thiện hữu mà cứ lén lén vô facebook, lén lén vô email, chit chat, lén lén alo. Thì tôi xin hứa với quý vị trước vong linh của mẹ tôi, chuyện đó là bất khả - impossible mission. Cứ sân si suốt ngày thì tu cái nỗi gì! Cho nên tôi không có thần thông, mà chỉ cần tôi liếc thấy hành giả nào chạm tay cái phone, cái lap top, chạm tay cái ipad thì tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu hành giả đó tu tới đâu. Vì 3 lý do. Một, nếu đó là một hành giả miên mật tinh tấn thì thời gian đâu anh rờ vô mấy thứ này trừ khi anh còn đang theo đuổi pháp học, trừ khi anh còn đang theo đuổi ân oán tình thù của thế nhân. Thứ nhất là anh không có thì giờ. Thứ hai, nếu anh là một hành giả miên mật thì ngoài chuyện không có thì giờ ra thì anh còn có tâm tư nào, có hứng thú nào để anh cần đến những thứ đó. Thứ ba, anh là hạng người nào mà những thứ đó nó không tác động đến tâm tư anh, anh nói dùm tôi. Anh có dám nói nó không ảnh hưởng anh hay không?

Cho nên muốn tu tập bốn Phạm trú này hành giả trước hết phải lánh xa môi trường có tiềm ẩn nguy cơ tác động tiêu cực lên công phu mình đang tu tập, đang hành trì.

Tôi dừng lại hơi lâu ở đề mục Bốn Phạm trú là tại vì bản thân tôi có một tâm nguyện. Bây giờ tôi 47 rồi, nhiều lắm là 3 năm nữa 50 tuổi là cái chết. Nếu tôi chết sớm thì tôi mong trước ngày chết tôi và quý vị trong room này tối thiểu có 7 năm tu Niệm Xứ, mà tu kiểu bậc thượng 100%, chớ tu mà cầm đồng hồ là không phải. Tu phải liệng đồng hồ đi là 7 năm. Và 7 năm tu từ tâm. Nghe tôi đi! Còn quý vị hỏi hai con số 7 này ở đâu thì cứ vô google đánh tiếng Anh: seven years Satipatthana, hoặc seven

years vipassana tự nhiên sẽ thấy, nhớ nghe! Còn muốn gọn thì chạy lên núi Dinh hỏi ngài Thanh, chạy về chùa Giác Quang quận 8 hỏi ngài Tịnh Giác, hoặc hỏi sư trưởng Biên Hòa hoặc chùa Bửu Long hỏi ngài Viên Minh, chùa Vĩnh Long hỏi thượng tọa Giác Giới, chạy ra Vũng Tàu hỏi thượng tọa Chánh Minh, nghe, những vị tôi gợi địa chỉ đó. Hỏi chớ tại sao có người nhắc đến Tứ Niệm Xứ mà nhắc đến 7 năm là sao. Hỏi tại sao có người nhắc đến Bốn vô lượng tâm mà nhắc đến 7 năm là sao? Trong Kinh có nói cái đó không, đó là tối thiểu. Chính Thế Tôn cũng nhìn nhận ‘Ta nhiều kiếp và nhiều kiếp 7 năm tu từ tâm, từ đó sanh về Phạm cung, từ đó không trở lui thế giới suốt 7 đời như vậy’.

Chớ còn mình rải tâm từ cái kiêu mỗi ngày ngồi thiền rải sơ sơ thì không phải là kiêu Phạm trú trong Kinh đề nghị. Rải kiêu mình vậy không thể đắc Định. Còn kiêu tu tâm Từ như Đức Phật dạy là có thể dẫn đến đắc Định. Rải như vậy:

- Đối tượng: bao nhiêu đối tượng: nam, nữ, phàm, thánh, siêu, đọa.

- Hướng: Đối tượng nhân với 10 hướng gồm đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên, dưới = 10

- Các lời nguyện, như mong cho họ được an lạc. Mong cho họ đừng oan trái lẫn nhau. Mong cho họ đừng có sầu muộn. Mong cho họ đừng có sợ hãi. Mong cho họ hãy biết tự bảo trọng lấy mình.

Bao nhiêu lời nguyện nhân với hướng nhân với đối tượng (đối tượng x hướng x lời nguyện) – (Xin xem lại quyển A Tỳ Đàm bìa xanh có hình tháp ở trước. Hoặc Thanh Tịnh Đạo, đọc phần Định, Bốn Phạm trú).

Cách Từ Bi Quán, rải Bốn Phạm trú là như vậy đó. Thí dụ:

Xin cho tất cả người nam ở hướng đông được bốn, năm điều gì đó. Rồi xin cho tất cả người nam ở hướng tây được gì gì đó. Xin cho tất cả người nam ở hướng nam được cái gì đó, rồi tất cả người nam ở hướng bắc được gì gì đó. Xin cho tất cả người nam ở các hướng phụ... gì gì đó.

Rồi qua nữ: xin cho tất cả người nữ ở hướng nam được cái gì, ở hướng bắc được cái gì, bla, bla, bla ...

Các vị tưởng tượng đi, chỉ hình dung là đã thấy muốn định rồi. Có nghĩa là quý vị chỉ cần phóng tâm một chút, phóng dật một chút thì làm sao có thể rải chính xác đối tượng đó, hướng đó rồi lời nguyện nào, tổng cộng vậy là mấy trăm. Lòng mình dán chặt vào trong đó làm sao nó phóng nổi. Và nếu đủ duyên thì nó đắc định, mà công đức thì vô lượng. Có ba phước lớn trong đời của một vị tu tập: phước vật, phước đức và phước trí. Ba phước này bao trùm tất cả công đức dầu hữu lậu hay vô lậu.

1. Phước lớn thứ nhất: Phước vật.

Phước vật là sự chia sẻ vật chất của mình cho người khác. Công đức phước vật lớn nhỏ, nhiều hay ít thì tùy thuộc vào ba thứ: đối tượng, vào tâm trạng, và sau mới tới vật thí. Nếu vật thí đó không hợp pháp hợp đạo thì công đức nó khác. Vật thí hợp pháp hợp đạo là vật đó không phải do lừa đảo mà có, không phải do mình hành hạ, làm khổ chúng sanh mà có (giết cá giết gà để làm phước thì vật thí đó không thanh tịnh). Nên vật thí cũng là một phần.

Thứ hai là nội tâm người thực hiện công đức bố thí. Anh thực hiện điều đó bằng sự tự phát hay do dự hay sự tác động, tức hữu trợ hay vô trợ. Khi anh thực hiện vậy có bằng sự can thiệp của trí tuệ hay không, tức hợp trí hay ly trí.

Thứ ba là thọ hỷ hay thọ xả. Nên tâm trạng người bố thí cũng quan trọng.

Như vậy vật thí, tâm trạng người bố thí, thứ ba là đối tượng bố thí. Đối tượng đó là có đức độ hay không, là cá nhân hay tập thể, là người có hữu ân với mình hay không (như cha mẹ).

Có thể tuy cha mẹ là người không đức độ, người không có giới tu, nhưng cha mẹ đối với con luôn có từ bi hỷ xả, dĩ nhiên phần tham ái tôi không nói, thì trên đời này không có ai dám chêt cho mình trừ cha mẹ, không có ai dám nhin ăn nhin mặc, dám chịu phần thiệt để tốt cho mình trừ cha mẹ. Cho nên đền đáp cho cha mẹ cũng là một công đức lớn. Cho nên đối tượng có ba: là người hữu ân với mình, bản thân người đó có đức độ, và đối tượng tập thể.

Đối tượng tập thể có nhiều phước hơn cá nhân. Đối tượng có đức độ nhiều phước hơn đối tượng không có đức độ. Đối tượng hữu ân với mình sẽ nhiều công đức hơn người không có gì với mình.

Thí dụ cho bà hàng xóm không bằng cho má mình. Nhưng nói hơn đây cho biết vậy thôi, chớ không phải suốt đời mình đi kiếm chỉ ba hạng này thôi mà không đếm xỉa những người khác.

Đó là phước vật. Trong Kinh nói quả báo phước vật lớn nhất là cúng dường cho tập thể Tứ phương tăng. Bởi tứ phương tăng vừa đáp ứng cùng một lúc các điều kiện: nói tới tăng là phải có đức độ (tăng tào lao thì không kể). Thứ hai, tăng là tập thể.

Cho nên ba cái phước vật, phước đức, phước trí gồm ba con số bốn:

* Phước vật không gì hơn Tứ phương tăng. Nhưng đừng vậy mà buồn tủi nói tui nghèo tui lấy gì cúng cho tứ phương tăng. Mình nghèo mình vẫn có thể cúng theo cách nghèo của mình. Thí dụ mình mua cái ấm nhôm để vô chùa cho chư tăng mười phương họ tới có họ xài. Mua cây chổi cỏ để trong chùa cho người ta lấy đó quét dọn chùa, chư tăng tới được sạch sẽ. Tức là mua cái gì mà đám đông có thể xài như cái thảm chùi chân,...

2. Phước lớn thứ hai là phước đức.

Phước đức đây không có gì qua được Bốn vô lượng tâm. Đó, này tôi nói 7 năm tu vô lượng tâm là chỗ đó. Phước đức là phước đem lại cho mình tuổi thọ, nhan sắc, uy tín, quyền lực, sức khỏe. Mà anh muốn có phước đức thì làm nhiều thứ như phục vụ, bố thí, v.v...(Bố thí là vừa phước đức, phước trí vừa phước vật). Mình bố thí mà chủ ý, tác ý mình hướng đến cái gì thì cái đó sẽ dẫn mình đến cái phước tương ứng. Thí dụ tôi cúng bữa cơm, tôi mong rằng người ta ăn bữa cơm này người ta sẽ tu thiện tốt hơn. Tôi làm một bữa bánh xèo đãi hành giả, tôi mong rằng hành giả bữa nay có bữa ăn bớt thèm để tu tập ngon lành hơn thì cũng là công đức.

Bà con làm mấy cái này phước báo vô cùng. Cứ cúng dường chư tỳ kheo, chư tăng một tháng hai ngày, mồng một tức bữa trước chư tăng làm lễ phát lồ sám hối. Cúng vị sắp đi xa, vị đi xa mới về, tỳ kheo bệnh, tỳ kheo nuôi bệnh, tỳ kheo đang trong lớp học đang khóa học, đang khóa thiền, tỳ kheo trong mùa an cư bla bla bla ... phước báo vô lượng. Tuy nhiên có hai ngày tôi muốn bà con nhớ đó là chư tỳ kheo, sa di nói chung sau ngày phát lồ (sám hối mỗi tháng hai ngày. Ngày 30 các vị sám hối thì mồng một quý vị cúng dường trai tăng là công đức ngon lành, vì lúc đó chư tăng sạch sẽ như tờ giấy trắng. Ngày 15 người ta làm lễ sám hối thì ngày 16 mình cúng trai tăng. Đó là một kiểu.

Kiểu thứ hai, bà con kiểm rồi rủ ai đó, trình trụ trì một tiếng rồi cúng trong tháng có 8 ngày Bát quan.

Như vậy ba phước: phước vật, phước trí, phước đức thì phước vật (vật chất) là mình chia sẻ, cúng dường tài sản vật chất cho người khác, gồm các đối tượng có đức độ hay không có đức độ; tập thể hay cá nhân, người hữu ân hay người vô can. Trong đó đối tượng Tứ phương tăng là phước lớn nhất vì vừa là tập thể, vừa là đám đông có đức độ. Ở đây tôi cũng nói rõ luôn, những cá nhân tăng ni mà quý vị nghĩ ngợi thì không nên bắt mẫn. Cứ nghĩ họ không mắc mớ gì cái tâm mình hết là xong. Chớ còn vì một cá nhân, một vài cá nhân nào đó mà mình bắt mẫn Tam bảo thì chuyện đó rất là không nên, rất là bất thiện. Nhớ cái đó!

Phước đức là những công đức nào đem lại sự hàm dưỡng cho hạnh lành của mình nói chung. Về tinh thần như là phục vụ, vị tha, giữ giới, tu tâm từ, ...những cái phước đó đem lại tuổi thọ, nhan sắc, sức khỏe, quyền lực, tiếng tăm, uy tín. Có nhiều cách để tạo công đức, như bố thí. Khi bố thí cái lòng mình ngoài chuyện chia sẻ vật chất ra còn mong cho người ta nhờ bữa ăn này mà người ta có thêm sức khỏe. Nhờ bữa ăn này người ta được hết bệnh, người ta đẹp người đẹp da, ...thí dụ vậy. Bố thí vậy ngoài phước vật còn là phước đức nữa.

Trong các phước vật thì phước cúng dường Tứ phương tăng là lớn nhất. Trong các phước đức thì Tứ vô lượng tâm là lớn nhất.

3. Phước lớn thứ ba là phước trí.

Phước trí gồm có hai: pháp học và pháp hành. Pháp học là trau dồi kiến thức giáo lý Phật học nói chung. Đặc biệt pháp học không có gì hơn là A tỳ Đàm, pháp hành thì không gì hơn Tứ Niệm Xứ.

Như vậy có ba con số 4 là: phước vật là Tứ phương tăng. Phước đức là Tứ vô lượng tâm (4 Phạm trú). Phước trí chính là học về 4 pháp chân đế (Tâm – Tâm sở - Sắc pháp – Niết bàn) và hành là hành Tứ Niệm Xứ (quan sát lại danh sắc của mình).

* Hồi nãy tôi nói sơ pháp bố thí nó có thể là phước vật mà cũng có thể là phước đức cũng có thể là phước trí, vì sao? – Vì khi tôi bỏ tiền cúng dường cho một học viện, thiền viện, một lớp thiền, một nhóm người hành thiền hay nhóm người học đạo, dầu đó là tăng ni hay cư sĩ, cúng dường chư tăng thì lúc nào cũng tốt hết. Chư tăng đang mùa an cư, chư tăng sắp đi xa, chư tăng đi xa mới về, hoặc hỗ trợ cho tăng ni bị bệnh, hỗ trợ cho người nuôi bệnh thì vừa là phước vật vừa là phước đức. Mà nếu mình biết nghĩ là họ nhờ sự hỗ trợ này mà tu hành tốt hơn là lúc đó mình gieo cả phước trí nữa.

Còn nói về cư sĩ, đó giờ mình chỉ biết cúng dường chư tăng, trai tăng ni xuất gia, mình không biết một chuyện nữa là nếu một địa phương nào không có tăng ni, mình có thể mời bạn bè mình, những người thọ Bát quan về nhà mình hoặc về một ngôi nhà nào có điều kiện rộng rãi, rồi mình lo cơm cho họ trong ngày đó để họ đọc sách, xem Kinh, hành thiền, luận Đạo. Một tháng 8 ngày mình làm được mấy ngày thì tốt mấy ngày. Mà điều này theo tôi biết Phật tử VN không rõ chứ bên Thái Lan, Miến Điện, những ngày Giới người ta đem đồ ăn vô chùa, trước là cúng dường chư tăng, sau là người ta ăn với nhau trong chùa. Rồi người ta nghe Pháp, xem Kinh, hành thiền. VN mình không biết chuyện đó. Cho nên qua buổi giảng này bà con nào làm được chuyện đó thì rất tốt, rất đáng tùy hỷ. Đó là nhân nói về 4 pháp Phạm trú tôi nói rộng ra về ba phước: phước vật, phước đức, phước trí.

Trở lại bài Kinh. Bài Kinh này Đức Phật trước hết ngài dạy rằng dầu theo pháp môn nào đi nữa nhưng nếu mình tu tập, hành trì bằng ý niệm ngã chấp ‘tôi’ đang tu hành, ‘tôi’ đang hành trì, tôi có giới, tôi có định, tôi có tuệ, tôi thế này thế kia, giới tôi hơn người ta, định tôi hơn người ta, tuệ tôi đức độ tôi, kham nhẫn, từ tâm, kiến thức của tôi hơn người ta, bla bla bla ... Khi mình hành trì bằng tâm niệm như vậy (khen mình chê người), hành trì bằng ý niệm ngã chấp thì không tốt.

Bài Kinh này đọc kỹ thấy rất là sâu. Nội dung bài Kinh:

1/ Lìa bỏ các pháp môn hành trì thuộc giới cầm thú, không nằm trong Đạo để, không nằm trong Bát Chánh Đạo.

2/ Dầu hành trì pháp môn nào mà còn vương kẹt trong ý niệm ngã chấp, còn khen mình chê người là chưa tốt.

3/ Ở trong bài Kinh này Đức Thế Tôn đề nghị con đường Chỉ Quán song tu. Ở chỗ khác, thiền Chỉ thì ngài nói về hơi thở, nhưng Chỉ ở đây Ngài nói về Bốn pháp Phạm trú. Đừng coi thường, nghĩ rằng Bốn pháp Phạm trú không mắc mớ gì tới giải thoát. Bởi vì nếu mình tu, lấy bốn đề mục này để trau dồi định tâm thì hoàn toàn có thể đắc định như thường. Đối với một người đắc định thì họ tu Vipassana ngon lành. Quý vị nhớ dùm điếm này: thiền Chỉ không dẫn tới giải thoát nhưng thiền Chỉ mà làm nền cho Tuệ quán thì không chi sánh bằng. Còn người tu thuần Quán, chỉ Vipassana thôi thì nói rõ, một là ít phước mới tu như vậy. Chớ còn người đại phước thì Chỉ Quán song tu. Đó là lý do bà con vào Kinh Tạng thấy Đức Phật ngài nói về Bốn thiền, ngài nói mình có cảm giác như lấy một món đồ trong túi ra vậy. Bởi thời đó chung quanh Ngài, trước mặt sau lưng Ngài toàn là bậc đại căn đại duyên.

Hôm nay chúng ta học bài Kinh này chúng ta thấy rằng đề mục thiền Chỉ nào cũng là để trau dồi Định học (Định tâm, khả năng tập trung tư tưởng). Tuy nhiên trong số đó, đề mục niệm Phật đem lại công đức vô lượng. Đề mục thể trước tử thì hỗ trợ khả năng nhằm chán sanh tử đời sau kiếp khác. Đề mục Phạm trú cũng là thiền Chỉ cũng là đề mục để luyện cho đắc định, dầu mình không thể hóa hiện thân thông bằng 4 đề mục này nhưng mình hoàn toàn có thể nhập định bằng 4 đề mục này. Với khả năng nhập định này chúng ta tu thiền Quán rất là tốt.

Đức Thế Tôn đúc kết rằng một người đã tu tập thành tựu định tâm qua Tứ vô lượng tâm thì người đó có thể tu tập tốt hơn người không có định tâm. Ở đây Ngài gợi ý nữa, là con đường thiền Quán tốt nhất chính là con đường của người đã đi qua thiền Chỉ. Nếu không đi qua thiền Chỉ, tu thiền Quán cũng có thể đắc Đạo nhưng nếu bỏ lên bàn cân mình cân thì nó vẫn không bằng người có thiền Chỉ trước: khả năng niệm, khả năng quán chiếu của họ sẽ tốt hơn.

Cuối bài Kinh Đức Phật có nhắc đến chuyện Tam minh. Có nghĩa một vị có Định vị đó có thể nhớ được, thành tựu được hai cái minh trước khi thành thánh: Túc mạng minh (thấy được quả sanh tử, và Sanh tử minh là nhân sanh tử. Thấy được toàn bộ vũ trụ, thế giới này nó chỉ là tồn tại, vận hành,

hoạt động trong thế giới của nhân quả mà thôi. Nhớ nghe, chỗ này nhiều người đọc không hiểu. Hỏi tại sao 2 cái minh đầu nó quan trọng. Túc mạng minh là nhớ quả sanh tử. Nhớ rằng thời đó kiếp đó ta đã sanh ra làm vua, làm hoàng hậu, làm ăn mày, ăn cướp, du đãng, làm con trùn, con dế, con heo, con trâu, bò, chó, ngựa ... Đó là quả sanh tử. Thấy ở kiếp sống đó ta vui buồn ra sao, nhân dáng, ngoại hình ra sao. Đó là nhớ quả sanh tử.

Còn Sanh tử minh là nhớ nhân sanh tử: làm cái nghiệp đó nó dẫn tới cái đó, làm cái nghiệp kia dẫn tới cái kia.

Một người hữu duyên khi quán chiếu cái quả và cái nhân sanh tử như vậy thì họ sẽ nhận ra điều khác nữa mà một người hành giả không có thiền, không có định, không có thần thông thì không thấy được.

Tôi nhắc lại hành giả tu thuận thiền quán không có định, không có thần thông thì họ chỉ thấy được danh sắc trong khả năng hình dung của họ thôi. Thí dụ họ thở ra thở vào họ thấy được hơi thở trước không phải là hơi thở sau. Họ thấy cái tâm biết hơi thở trước không phải cái tâm biết hơi thở sau. Họ thấy rằng hơi thở trước nó mất rồi mới có hơi thở sau. Cái tâm mà biết hơi thở trước nó phải mất thì nó mới có cái tâm của hơi thở sau. Thấy như vậy. Họ thấy rằng cái gì có rồi phải mất. Họ thấy rằng mọi thứ không tồn tại quá một giây. Họ thấy rằng toàn bộ sự hiện hữu của họ nói riêng và tất cả chúng sanh nói chung chỉ là sự ráp nối về bản chất, về không gian và thời gian chỉ là sự ráp nối cái này cộng với cái kia nó mới ra cái nọ. Đó là người tu thiền Quán mà không có Chỉ.

Còn người tu thiền Quán mà có Chỉ thì sao? – Từ chỗ họ có khả năng định tâm họ đặc thiền đặc thần thông, họ có thể quán chiếu họ thấy nhiều hơn. Khi mình thấy bằng thần thông thì đức tin của mình đối với danh sắc nhiều hơn là người không có. Tôi phải xác định điều đó. Thí dụ tôi không có thần thông, tôi chỉ thấy quần quanh trong đại oai nghi, tiểu oai nghi, hồi nãy là đi đứng, ngồi, bây giờ nằm. Hồi nãy đau giờ hết đau. Hồi nãy nực bây giờ mát. Nãy mát bây giờ nực. Tôi chỉ quần quanh bao nhiêu, thấy danh sắc là vô ngã vô thường.

Còn riêng ông có thần thông thì cái thấy của ông về vô ngã vô thường nó nhiều hơn tôi, nó dễ sợ hơn tôi và khẳng định hơn. Thí dụ ông thấy cảnh giới ở cõi này như vậy, ở cõi kia cũng như vậy. Ông thấy đời này như vậy mà đời trước cũng như vậy. Ta như vậy mà người khác chung quanh ta cũng thấy đều như vậy. Cái thấy vô ngã vô thường trong danh sắc của người đặc thiền đặc thần thông nó rộng hơn nó sâu hơn mà nó chắc chắn hơn, được xác tín rõ ràng hơn.

Đó là lý do tại sao Đức Phật luôn khuyến khích mình tu tập Chỉ Quán song tu. Đó là chuyện đời xưa. Đời nay phước mỏng, nghiệp dày tội dày chúng ta không còn điều kiện. Nhưng chí ít khi làm phước nhớ nguyện: “Nếu con không đủ duyên lành chứng Đạo bậc Thánh đời này thì mong cho đời sau đời đời sanh ra tu thiền Chỉ dễ dàng. Có Phật ra đời thì con xin gặp gỡ. Nếu không, không được gặp Phật thì con xin có đủ điều kiện có cơ hội gặp gỡ mình sư thiện hữu, đồng thời sanh ra làm người tam nhân đặc chứng thiền định thần thông dễ dàng.”

Đây là một lời nguyện rất quan trọng. Ai thường xem Kinh điển sẽ thấy Bồ tát luôn luôn ly dục, thường thường ly dục, sanh ra là ly dục. Cho nên dầu làm vua bỏ ngôi rất dễ. Làm triệu phú đại gia bỏ nhà rất dễ. Vợ đẹp con ngoan có đó nhưng bỏ rất dễ. Đó là khả năng ly dục của Bồ tát.

Thứ hai, Bồ tát có khả năng đặc thiền rất dễ. Bồ tát bỏ nhà vô rừng cứ 3 giây là phải đặc thiền, là vì khả năng ly dục của Ngài, cộng với trí tuệ của Ngài cộng với những công đức khác. Thí dụ một người phải thể lực như thế nào đó thì chuyện tu tập thiền định mới dễ. Chắc quý vị trong room không biết chuyện này? Quý vị coi Kinh lâu lâu thấy các vị A La Hán có vị tật bệnh tùm lum đó là trường hợp đặc biệt, nhưng mình phải biết một điều là cấu trúc sinh học của những vị tam nhân đặc thiền phải khác người bình thường. Nghĩa là vào những giây phút ngặt nghèo nhứt, quyết liệt nhứt, khốc liệt nhứt thì sức khỏe của họ cũng đủ để hoàn tất chuyện tu hành. Những chỗ này phải coi Kinh kỹ mới thấy chớ đọc lơ mơ thì không thấy. Đó là lý do tại sao người ta đặc A La Hán khi tịch rồi để lại xá lợi. Bởi vì công đức nhiều đời của họ đã khiến họ có cấu trúc sinh học hơi đặc biệt hơn người bình thường. Thí dụ họ có thần kinh thép, khi họ chịu tu rồi, thân xác (chớ không phải cơ bắp nghe) họ nhờ phước bố thí, phước từ tâm, phước ba la mật của họ hỗ trợ họ có sức khỏe tối thiểu để họ hoàn tất Đạo nghiệp vào những giây phút ngặt nghèo nhứt. Như trong miệng cọp mà người ta vẫn đặc Đạo được. Trong khi mình thì hoảng loạn. Các vị biết khoa học nhìn nhận mỗi người sinh

ra nhóm máu nào không cần biết nhưng có nhóm máu nóng, máu lạnh. Họ thuộc nhóm máu nào thì là người thiếu kiên nhẫn, thuộc nhóm máu nào thì là người dễ lãnh đạm, hờ hững, thuộc nhóm nào thì là người giàu nhiệt huyết, hứng khởi... những cái đó theo trong Kinh mình là do tiền nghiệp tác động cơ cấu sinh học của mình. Thì có ba la mật để hỗ trợ tâm sinh lý trong giây phút đắc thiên đắc đạo. Chớ không phải tu ba la mật chỉ hỗ trợ về mặt tinh thần mà còn cả vật chất. Nên vị A La Hán kiếp chót dầu họ nghèo cách mấy mà trong giây phút quyết liệt như họ vẫn có đủ sức khỏe để vượt qua phút đó.

Sau khi Thế Tôn đúc kết nội dung bài Kinh:

1/ Pháp môn khổ hạnh là giới cấm thủ đi ngược lại tinh thần của Đạo Đế là cái phải tránh.

2/ Dầu hành trì bằng pháp môn nào mà hành trì bằng ý niệm khen mình chê người, bằng ý niệm tôi và tôi là, của tôi thì đó cũng là sai lầm. Trong đây đề nghị mình quay lại với bài Kinh Lỗi Cây của Trung Bộ. Trong đó Đức Phật ngài dạy một người đi đến giáo pháp này chỉ vì danh xưng lợi lộc, tiếng tăm, quyền lực cúng dường mà đam mê quên hết lý tưởng đạo nghiệp ban đầu, hạng đó được gọi là vừa lòng quá sớm với cành lá của một cây danh mộc. Thứ hai, có người coi thường danh lợi nhưng họ lại tự hào tự đắc tự kiêu về giới hạnh thanh tịnh của họ thì hạng mà chỉ thành tựu giới hạnh không gọi là vô ngoài sẵn sù của cây. Hạng tu tập các tầng thiền định, đắc thiên này thiên kia gọi là cái vỏ trong của cây. Rồi có các loại thần thông thì được gọi là giác cây. Chỉ có thánh trí giải thoát mới là lõi cây.

Bài Kinh này nhắc một số điều:

- Một là lựa đường đúng mà đi.
- Hai, dầu anh đi đường đúng mà phải có tâm trạng đúng, một lý tưởng đúng.
- Ba, Đức Phật đề nghị con đường Chỉ Quán song tu mà ở đây chính là Bốn pháp Phạm trú.

Trong Kinh nói sau khi giảng như vậy lẽ ra các vị này nếu đủ duyên đã đắc. Còn không tối thiểu thì các du sĩ này cũng xuất gia theo Phật. Nhưng có hai vấn đề phút cuối:

- Một là Đức Thế Tôn xét thấy rằng những người này có ráng lắm thì trong kiếp này họ cũng không đắc được cái gì. Ngài biết rõ ngay thời điểm Ngài đang giảng đó thì Ác ma thiên tử đang có mặt và dùng thần lực can thiệp vào, khiến các du sĩ phóng tâm, không tập trung nghe. Chú giải nói rất rõ: Đức Thế Tôn thấy rằng nếu Ngài có can thiệp vào sự quấy rối của Ác Ma họ cũng không đắc được gì. Và họ cũng không đủ duyên để xuất gia, cho nên Ngài chỉ thuyết Pháp để gieo duyên cho họ và từ đó Ngài đi luôn, dùng thần thông Ngài bay đi.

Đoạn cuối ghi: Những đám du sĩ này họ nghe xong bài Kinh họ cũng không có được Pháp thượng nhân nào hết. Nhưng mà ít nhiều họ cũng gieo được duyên lành cho chủng tử giác ngộ đời sau kiếp khác

(Tesam pana paribbajakanam kincapi idam suttantam sutva viseso na nibbatto ayatim pana nesam vasanaya paccayo bhavissatiti. Sesam sabbattha uttanamevati).

Bài Kinh này ôn lại chuyện mà tôi cho là rất quan trọng cũng đã nói ngày hôm qua. Đó là:

- Một khi mình đã thiếu duyên lành thì có gặp Chánh Đăng Giác mình cũng không được ân triêm lợi lạc bao nhiêu hết.

- Nếu mình đủ duyên lành thì không ai phá mình được hết. Còn khi mình thiếu duyên lành thì nó đủ thứ trục trặc kể cả trước mặt một vị Chánh Đăng Chánh Giác.

- Dù sao đi nữa nếu không đắc, nhưng hề có lòng lành, còn lòng hướng đến giải thoát sanh tử thì ít gì chúng ta cũng có dịp để gieo duyên. Nên hôm nay chỉ trong room này nhiều khi ráng nhét một câu mà tôi thấy quan trọng tôi cũng ráng. Bởi vì chuyện duy như tôi có thể làm được là gieo vô lòng quý vị một chủng tử, kể cả quý vị có nghĩ gì về con người của tôi, về Pháp thoại của tôi, về bài giảng của tôi, nhưng tôi làm được một việc mà tôi rất thích. Đó là buổi giảng hôm nay bà con có thể không thấm thía nhưng mai này, một ngày hai ngày năm ngày mười ngày, năm sau mười năm sau hai mươi năm sau lúc đó tui đã lăn đùng chết ngắc rồi, nhưng một lúc nào đó quý vị thấm thía một câu nói của tôi rồi khi gặp Phật ra đời Ngài chỉ khảy cái móng tay thôi, khảy cái móng mình đi nó lẹ. Chẳng hạn bài giáo lý ngày hôm qua rất quan trọng. Đó là thế giới này chỉ nằm trong thiện ác buồn vui.

Thiện là 6 căn biết 6 trần bằng tâm lành => tạo ra quả vui, là 6 căn biết 6 trần như ý.

Ác là 6 căn biết 6 trần bằng tâm bất thiện => tạo ra quả là 6 căn biết 6 trần bất toại.

Nghe thì rất là thường nhưng nội dung Phật Pháp ngắn gọn bao nhiêu đó. Thấy được cái này là thấy ‘ồ, thì ra thế giới này là đồ giả, nó là đồ ráp!’ Và toàn bộ vô lượng vũ trụ từ cõi A tỳ địa ngục lên đến cõi Phi tướng phi phi tướng cũng nằm trong ấy câu này.

Thiện tạo ra niềm vui nào thì niềm vui đó cũng vô thường.

Cái ác tạo ra khổ nào thì cái khổ đó cũng vô thường. Nhưng còn mang thân sanh tử, còn chất nặng phạm tâm thì phải biết lánh ác hành thiện. Lánh ác hành thiện có ba hạng:

1. Lánh ác là vì sợ bị khổ.

2. Thích làm thiện là vì muốn được vui.

3. Lánh ác làm thiện để cầu thoát sanh tử. Hạng này đáng nể nhứt, cũng lánh ác hành thiện nhưng không phải vì sợ khổ vì muốn được sướng mà để cầu giải thoát. Cuối cùng khi chứng Thánh rồi thì cái thiện trở thành bản chất tự nhiên của mình; nó không còn là pháp môn hành trì nữa.

Không biết trong room có nghe kịp không? – Khi mình còn là phạm thì lánh ác làm thiện là cái pháp môn tu tập, là đường lối HÀNH TRÌ. Nhưng khi thành thánh rồi thì lúc bấy giờ cái lòng lánh của mình lúc đó – biết là A La Hán hết thiện chỉ còn tâm Duy tác. Nếu Thánh hữu học thì tâm thiện lúc đó là một chuyện rất TỰ NHIÊN. Dĩ nhiên đứng là thánh hữu học thì còn hành trì nhưng đối với một vị Tu đà hườn không còn thân kiến nữa – Sự vắng mặt của thân kiến lúc đó để lại cho họ sự thanh tịnh. Sự thanh tịnh này không giống như mình lúc có lúc không, mà vị Tu đà hườn trong A Tỳ Đàm nói họ diệt trừ thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ nhưng nói cho hết thì họ không còn ganh tị nữa, không còn bòn xén nữa.

Vị ấy biết rõ ràng tất cả chúng sanh ở đời chỉ là đồ ráp thôi, có gì đâu mà ghen ghét. Không còn bòn xén nữa vì vị đó thấy rằng cái gì cũng vô thường vô ngã, có cái gì đáng để giữ để mà tiếc. Không còn bòn xén, ganh tị và đặc biệt vị ấy không còn rơi vào bốn pháp thiên vị. Nghĩa là không còn hành xử vì thương vì ghét. Cái này khó. Tham còn, sân còn nhưng hành xử đối đãi với đời không còn vướng kẹt trong thiên vị. Vị Tu đà hườn dầu người đó có là mẹ ruột của ngài thì ngài vẫn căn cứ vào phép công bằng mà đối đãi. Dầu người đó là người muốn đâm muốn giết ngài thì ngài vẫn căn cứ vào phép công bằng mà đối đãi. Tu đà hườn tham còn nhưng cái tham của họ không đủ để họ làm chuyện bất thiện để bị sa đọa. Cái sân họ còn nhưng cái sân đó không đủ để họ làm chuyện bất thiện để sa đọa. Họ thích những cái nhẹ nhẹ thí dụ thấy gió mát, trăng thanh họ thích, thấy hoa đẹp họ thích. Nhưng cái thích đó không đủ để bị đọa. Họ không thể vì cái thích đó mà sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Cái sân của họ cũng còn, thí dụ trời nắng nóng họ cũng khó chịu. Mình nạt nộ đánh họ đau họ cũng khó chịu nhưng họ không tạo những phản ứng để bị sa đọa. Cho nên ở đây Thế Tôn xét thấy Ác ma phá quấy các du sĩ mà Ngài có can thiệp cũng không khiến họ xuất gia, họ cũng không đắc chứng gì, thôi thì thời Pháp hôm nay chỉ để gieo duyên cho họ đời sau kiếp khác. Sau khi xét thấy như vậy, Thế Tôn từ chỗ đó Ngài ra đi.

Đọc những bài Kinh này mình thấy nhiều chuyện đáng suy nghĩ lắm, rất nhiều và rất nhiều!

Bây giờ đã 11g kém. Chúc các vị một ngày vui và hẹn gặp nhau ngày mai./.

XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.

www.toaikhanh.com

TOAIKHANH.COM